BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

ĐINH VĂN VIỄN

LÀNG CÔI TRÌ (YÊN MÔ, NINH BÌNH) TỪ THÀNH LẬP ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã số: 9.22.90.13

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

HÀ NỘI – 2019

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS. Nguyễn Duy Bính**

2. PGS.TS. Đào Tố Uyên

Phản biện 1: **PGS.TS Nguyễn Đình Lê**

Trường ĐH KHXH&NV – ĐHQG Hà Nội

Phản biện 2: **PGS.TS Trần Đức Cường**

Viện Sử học

Phản biện 3: **PGS.TS Lê Đình Sỹ**

Viện Lịch sử quân sự

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp: Trường **họp tại: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội**

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2019

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đinh Văn Viễn (2009), "Tìm hiểu Côi Trì Đinh bạ - 1722" // *Thông báo Hán nôm học 2009*, Viện nghiên cứu Hán nôm, Nxb Thế giới, HN- 2010, tr 1065-1070.
2. Đinh Văn Viễn (2011), Vài nét về tình hình ruộng đất ở làng Côi Trì (Yên Mô, Ninh Bình) nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 12-2010*, tr.38-46
3. Đinh Văn Viễn (2011), "Về bản giao ước nhượng đất, mở chợ của 2 xã Côi Trì và Yên Mô (nay thuộc huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình) năm 1775", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* (số 6), tr.69-73.
4. Đinh Văn Viễn (2016), "Di sản văn hóa làng Côi Trì (Yên Mô, Ninh Bình)", *Tạp chí Xưa và Nay*, (số 477), tr. 53-56.
5. Đinh Văn Viễn (2017), "Truyền thống trọng lão ở làng Côi Trì qua Hương ước, Văn bia*", Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (số 391), tr. 98-99.
6. Đinh Văn Viễn (2017), *Khảo sát di sản văn hóa ở Yên Mỹ (Yên Mô-Ninh Bình)*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Đại học Hoa Lư 6/2017.
7. Đinh Văn Viễn (2017) (viết chung với PGS, TS Nguyễn Duy Bính), "Di sản văn hóa làng truyền thống và việc sử dụng trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông (qua ví dụ di sản văn hóa làng Côi Trì (Yên Mô, Ninh Bình)"// *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên môn Lịch sử đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa*, Trường ĐHSP Hà Nội, Nxb ĐHQG Hà Nội, tr.549-559.
8. Đinh Văn Viễn (2018), Khuyến học ở làng xã Ninh Bình qua hương ước cổ, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 408, tháng 6-2018, trang 25-27.
9. Đinh Văn Viễn (2018), Ninh Ngạn và tác phẩm Vũ Vu thiển thuyết, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 495, tháng 5 năm 2018, tr 22-25.
10. Đinh Văn Viễn (2018), Khuyến học ở làng Côi Trì qua tư liệu hương ước, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 8*, tr.32-37

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong tiến trình lịch sử Việt Nam, làng có vai trò rất quan trọng, trên nhiều lĩnh vực. Việc nghiên cứu làng Việt Nam là yêu cầu, là nhiệm vụ quan trọng và bức thiết của nhiều ngành khoa học trong đó có khoa học lịch sử.

Quá trình hình thành và phát triển của làng Việt cũng như đặc điểm kinh tế, văn hoá, tâm lý cộng đồng và cả những thiết chế làng trên đó luôn tuân theo những quy luật chung đồng thời còn chịu tác động nhất định của những điều kiện tự nhiên và xã hội của mỗi vùng hoặc mỗi miền. Do đó, nghiên cứu làng ở mỗi địa phương cụ thể là điều cần thiết và có ý nghĩa bổ sung cho hiểu biết về làng Việt nói chung.

Hiện nay, trong bối cảnh cả nước đang thực hiện các chiến lược quốc gia liên quan đến nông thôn, biển như *Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045*,...thì việc tìm hiểu làng truyền thống, công cuộc khai hoang, lấn biển, lập làng,... là vấn đề có tính khoa học, thời sự, quan trọng. Để giải quyết đúng hướng những vấn đề này cần phải đi sâu tìm hiểu từng làng, xã cụ thể làm cơ sở để phân tích, tổng hợp và có cái nhìn bao quát về làng Việt Nam cổ truyền.

Làng Côi Trì (nay thuộc xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình) là một làng được thành lập vào cuối thế kỷ XV cùng với sự ra đời của con đê Hồng Đức, với chính sách khẩn hoang theo phép chiếm xạ của nhà nước Lê sơ. Đến thế kỷ XIX, Côi Trì trở thành một làng tiêu biểu ở Ninh Bình với truyền thống khoa cử. Trong thời hiện đại, Côi Trì còn là một làng tiêu biểu cho truyền thống cách mạng, là một trong hai nơi thành lập chi bộ cộng sản sớm nhất ở Ninh Bình.

Hơn nữa, cho đến nay, phần lớn các công trình nghiên cứu về làng cổ truyền chủ yếu chỉ trình bày về làng ở một thời điểm cụ thể nào đó mà ít có công trình nào chỉ ra chiều hướng phát triển trên các phương diện của làng trong giai đoạn từ cuối thế kỷ XV đến giữa XIX. Nghiên cứu về Côi Trì (Yên Mô, Ninh Bình) tác giả mong muốn làm rõ hơn về sự hình thành,

phát triển về kinh tế, xã hội, văn hóa của Côi Trì từ cuối thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX.

Sau khi hoàn thành, với những lập luận khoa học, dựa trên những nguồn tư liệu cụ thể và chính xác, công trình là nguồn tài liệu khá toàn diện và đáng tin cậy giúp cho nhân dân Ninh Bình nói chung, nhân dân Côi Trì nói riêng hiểu thêm một phần về lịch sử quê hương. Đó còn là cơ sở khoa học giúp những nhà quản lí ở cấp địa phương làm tư liệu tham khảo trong quá trình lãnh đạo tổ chức phát triển địa phương, đặc biệt là vấn đề bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng làng. Nghiên cứu về làng Côi Trì từ thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX là vấn đề có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc.

Vì vậy, tôi chọn vấn đề: *Làng Côi Trì (Yên Mô, Ninh Bình) từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX* để làm đề tài Luận án Tiến sĩ của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

- Làm rõ quá trình hình thành, vài nét về tình hình và xu hướng phát triển của kinh tế, xã hội, văn hóa làng Côi Trì (Yên Mô, Ninh Bình) thời kì từ khi thành lập đến giữa thế kỷ XIX.

- Xác định được một số đặc trưng về kinh tế, xã hội, văn hóa của làng Côi Trì trong so sánh với một số làng Việt cổ truyền ở đồng bằng Bắc bộ.

2.2. Nhiệm vụ

Để thực hiện mục tiêu trên, luận án có những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu, phục dựng lại quá trình khai hoang lập làng Côi Đàm.

- Tìm hiểu, phân tích được một số nét về tình hình và xu hướng phát triển của kinh tế, xã hội, văn hóa làng Côi Trì giai đoạn từ khi thành lập đến giữa thế kỷ XIX.

- Phân tích, so sánh với một số làng khác, cùng thời ở đồng bằng Bắc Bộ để làm rõ một số nét đặc trưng về kinh tế, xã hội, văn hóa của làng Côi Trì.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu của Luận án là quá trình hình thành, một số nét về tình hình và xu hướng phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa làng Côi Trì (Yên Mô, Ninh Bình) từ khi thành lập đến giữa thế kỷ XIX.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian, không gian nghiên cứu của Luận án được giới hạn là làng Côi Trì giai đoạn từ cuối thế kỷ XV đến thế kỷ XIX là xã Côi Trì, tổng Yên Mô, huyện Yên Mô. Ngày nay, làng Côi Trì là thôn Côi Trì, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Về thời gian, luận án nghiên cứu về làng Côi Trì từ khi thành lập (cuối thế kỷ XV) đến giữa thế kỷ XIX.

Về nội dung, luận án tìm hiểu về quá trình hình thành làng, một số nét về tình hình và xu hướng phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá của làng Côi Trì từ khi thành lập đến giữa thế kỷ XIX.

Với khả năng và nguồn tài liệu có được, luận án chỉ tập trung vào một số vấn đề của làng Côi Trì trong giai đoạn từ khi thành lập đến giữa thế kỷ XIX:

Về quá trình khai hoang, thành lập làng.

Về kinh tế, luận án nghiên cứu về xu hướng phát triển sở hữu ruộng đất, kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp, hoạt động buôn bán của làng.

Về xã hội, luận án tập trung nghiên cứu khái quát về tổ chức quản lý làng xã, kết cấu dân cư, một số hình thức tổ chức và tập hợp dân cư như giáp, dòng họ, hội tư văn, hội tư võ.

Về văn hóa, luận án chỉ tập trung nghiên cứu một số khía cạnh nổi bật của làng như: Đình, miếu và tín ngưỡng thờ thần, chùa và sinh hoạt Phật giáo, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và một số phong tục, tập quán khác, văn học, giáo dục, khoa bảng.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.2. Phương pháp luận

Luận án vận dụng phép biện chứng của chủ nghĩa duy vật lịch sử để nghiên cứu sự hình thành, tồn tại và phát triển của làng Côi Trì; một số nét về tình hình, xu hướng phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của Côi Trì từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện luận án, tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu:

Hai phương pháp chuyên ngành là phương pháp lịch sử và phương pháp logic được vận dụng để tái hiện quá khứ thông qua tư liệu, đồng thời nhìn nhận vấn đề toàn diện, khách quan.

Hiện nay, trong nghiên cứu về làng xã, một phương pháp được sử dụng khá phổ biến là phương pháp hệ thống - cấu trúc. Với phương pháp này, làng được coi như một hệ thống gồm những yếu tố hợp thành. Về kinh tế, gồm có nông nghiệp, thủ công và thương nghiệp; về mặt xã hội gồm các thiết chế quản lí, các hình thức tổ chức và tập hợp dân cư, các thành tố: gia đình, dòng họ,…; về văn hóa có các yếu tố như: tôn giáo, tín ngưỡng, giáo dục,… Từ đó rút ra những mối liên hệ tương tác giữa các yếu tố trong hệ thống. Ngoài ra, người viết còn đặt làng Côi Trì trong tổng thể làng Việt cổ truyền ở đồng bằng Bắc bộ, làng Việt ở Ninh Bình, ở huyện Yên Mô để nghiên cứu, so sánh nhằm hiểu rõ hơn về Côi Trì.

Trong quá trình thực hiện, hàng loạt phương pháp cụ thể khác được sử dụng nhằm thu thập và xử lí tối đa lượng thông tin như: thống kê, điền dã,… Để thực hiện được việc này chúng tôi sử dụng những thao tác sưu tầm, dập, dịch văn bia, đo, vẽ, chụp ảnh các công trình kiến trúc công cộng của làng,… để thu thập, xử lý tối đa thông tin về làng Côi Trì.

Như vậy, thực hiện đề tài *Làng Côi Trì (Yên Mô, Ninh Bình) từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX*, bên cạnh việc sử dụng các phương pháp chuyên ngành, chúng tôi còn sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành và đa ngành trong mối quan hệ tổng thể, bình đẳng. Đây được coi là cách thức có hiệu quả cao để hiểu được một cách tương đối đầy đủ và toàn diện làng xã Việt Nam trong lịch sử.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Thứ nhất, lần đầu tiên, qua luận án, quá trình hình thành làng Côi Trì, một số nét về tình hình, xu hướng phát triển của các lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hóa làng Côi Trì từ khi thành lập đến giữa thế kỷ XIX được nghiên cứu toàn diện trên cơ sở hệ thống các tài liệu được khảo sát, sưu tầm, nghiên cứu ở trong và ngoài làng Côi Trì.

Thứ hai, từ kết quả nghiên cứu về làng Côi Trì, luận án có đóng góp mới trong nghiên cứu về sự phát triển một làng Việt được thành lập sau công cuộc khai hoang theo "phép chiếm xạ" thời Lê sơ. Luận án làm rõ điểm nổi bật về kinh tế, văn hóa, xã hội của làng Côi Trì trong so sánh với làng Việt ở vùng châu thổ Bắc Bộ cùng thời kỳ.

Thứ ba, luận án phát hiện và đính chính một số sự kiện lịch sử chưa chính xác ở một số sách viết về Côi Trì như: ghi chép của *Đại Nam nhất thống chí* về thời điểm đắp đê Hồng Đức tại Côi Trì, ghi chép của cuốn *Thơ văn Ninh Tốn* về quê gốc của họ Ninh ở Côi Trì là từ Vọng Doanh – Hải Dương, ghi chép của *Đồng Khánh địa dư chí*: "Côi Trì trước đây là xã Thiên Trì", …

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của luận án

Ý nghĩa lý luận

Luận án tập hợp và hệ thống hóa những tư liệu liên quan đến làng Côi Trì. Những tư liệu này sẽ góp thêm một công trình nghiên cứu về làng Ninh Bình nói riêng và làng Việt nói chung.

Luận án trình bày một cách có hệ thống lịch sử của làng Côi Trì từ khi thành lập đến giữa thế kỷ XIX, làm nổi bật đặc điểm quá trình phát triển, chế độ ruộng đất và kinh tế, văn hoá của làng Côi Trì từ khi thành lập đến giữa thế kỷ XIX. Từ nghiên cứu này góp phần nhìn nhận rõ hơn về nét chung cũng như tính đa dạng, đặc thù của làng Việt truyền thống.

Ý nghĩa thực tiễn

Luận án là nguồn tài liệu giúp cho nhân dân Ninh Bình, nhân dân Côi Trì hiểu thêm về lịch sử quê hương mình. Đó còn là cơ sở khoa học giúp những nhà quản lí ở cấp địa phương, làm tư liệu tham khảo trong quá trình lãnh đạo tổ chức phát triển địa phương, đặc biệt là vấn đề bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của cộng đồng làng xã, góp phần vào công cuộc xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Luận án là tài liệu tham khảo cần thiết cho cán bộ, giáo viên làm công tác quản lý, nghiên cứu, giảng dạy lịch sử, văn hóa ở các nhà trường và một số cơ quan bảo tàng, văn hóa, du lịch ở Ninh Bình.

7. Kết cấu Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, và Tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung của Luận án được trình bày trong 4 chương:

Chương 1: Tổng quan về nguồn tư liệu và tình hình nghiên cứu vấn đề

Chương 2: Quá trình hình thành làng Côi Đàm

Chương 3: Kinh tế làng Côi Trì

Chương 4: Đời sống xã hội, văn hóa làng Côi Trì

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ NGUỒN TƯ LIỆU VÀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

1.1. Tổng quan về nguồn tư liệu

1.1.1. Nguồn thư tịch cổ

** Các bộ sử, sách do các vương triều phong kiến biên soạn*

** Các công trình của các học giả thời phong kiến.*

1.1.2. Nguồn tư liệu địa phương

Các thư tịch như: đinh bạ, địa bạ, gia phả, hương ước, văn bia, sắc phong,...Đinh bạ (có 02 đinh bạ năm 1669 và 1722), địa bạ (1832), sắc phong (có 11 sắc phong), gia phả (có 08 gia phả), hương ước (*Côi Trì thông lệ*-1783), văn bia (có 12 bia), Về minh chuông (01 chuông), minh khánh (01 khánh),...

Nguồn tư liệu vật chất như Đình Tây, chùa An Thái, đá Chiếm xạ, Nhà thờ họ (Ninh, Nguyễn, Tạ,...),...

Nguồn tư liệu truyền miệng: truyền thuyết dân gian, *Hương sử,*....

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu vấn đề

1.2.1. Những nghiên cứu chung về làng xã Việt Nam

1.2.1.1. Nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

Trước cách mạng tháng Tám: *La Commune Annamite au Tonkin (Làng xã An Nam ở Bắc kỳ), Les paysans du Delta Tonkinois (Người nông dân châu thổ Bắc kỳ*).

Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945: *Village in Vietnam (Làng ở Việt Nam), Luật và xã hội Việt Nam thế kỉ XVII, XVIII* của Insun Yu, *Facing the Future, Reviving the Past: A Study of Social Change in a Northern Vietnamese Village* (*Làng Việt đối diện tương lai hồi sinh quá khứ: Một nghiên cứu về thay đổi xã hội ở một làng miền Bắc Việt Nam)* của John Kleinen,...

Các chương trình, đề tài nghiên cứu: Chương trình hợp tác Việt Nam và Pháp: *Nghiên cứu về làng xã Việt Nam vùng đồng bằng sông Hồng (1996 - 1999).* Chương trình hợp tác Việt - Nhật: *Nông thôn, nông nghiệp và làng xã châu thổ sông Hồng qua trường hợp làng Bách Cốc* được thực hiện từ năm 1993 đến 2013.

1.2.1.2. Nghiên cứu của các tác giả trong nước

Trước Cách mạng tháng Tám: *Propriété communale au Tonkin* (Sở hữu làng xã ở Bắc kỳ), *Recherche sur la Commune Annamite, La Civilisation annamite* (Văn minh An Nam), *Vấn đề dân cày,...*

Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945: *Xã thôn Việt Nam của Nguyễn Hồng Phong, Chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp thời Lê sơ của Phan Huy Lê, Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ* của Trần Từ, *Làng Việt Nam một số vấn đề kinh tế - xã hội* của Phan Đại Doãn, *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam từ thế kỉ XI - XVIII* (2 tập) của Trương Hữu Quýnh, ... Trên các tạp chí cũng đăng tải nhiều bài viết về làng xã.

Nghiên cứu trường hợp, tìm hiểu cụ thể về một làng. Tiêu biểu như: Nguyễn Hải Kế với *Một làng Việt cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ*; Nguyễn Quang Ngọc *Về một số làng buôn ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỉ XVIII – XIX*; Mai Phương Ngọc với *Cơ cấu kinh tế, xã hội và văn hóa làng Hoằng Lộc (Hoằng Hóa, Thanh Hóa) thời trung đại*, Ngô Văn Cường với *Kinh tế, xã hội và văn hóa làng Vân (xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang thế kỷ XVII-XIX), ...*

1.2.2. Những nghiên cứu về Ninh Bình và làng Côi Trì

1.2.2.1. Nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

Notice sur la province de Ninh-Binh của Merlo viết. Yao Takao với: *Thế giới vùng đồng bằng sông Hồng. Chế độ đồn điền và chính sách chiếm xạ ở xã Côi Trì, Ninh Bình*.

1.2.2.2. Nghiên cứu của các tác giả trong nước

* Các công trình nghiên cứu viết về Ninh Bình mà ít nhiều có liên quan tới làng Côi Trì: *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ, *Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biện* của Nguyễn Tử Mẫn, *Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình* của nhóm tác giả do Trương Đình Tưởng làm chủ biên,…

* Các công trình trực tiếp viết về làng Côi Trì: *Ninh thị khảo đính* của Ninh Tốn, *Côi Trì lịch sử giải âm* của Nguyễn Đình Tuyên. *Thơ văn Ninh Tốn* của Hoàng Lê. *Về công cuộc khẩn hoang lập làng Côi Trì (Yên Mô-Ninh Bình) dưới thời Lê Thánh Tông* của Phan Đại Doãn, Vũ Văn Quân,…

1.3. Một vài nhận xét về nguồn tư liệu, tình hình nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đề tài luận án và những vấn đề cần tiếp tục làm rõ

1.3.1 Nhận xét về nguồn tư liệu và tình hình nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đề tài luận án

Làng xã người Việt truyền thống đã và đang là đề tài thu hút nhiều nhà khoa học nghiên cứu. Việc nghiên cứu làng xã người Việt truyền thống đã

được thực hiện ở nhiều hướng khác nhau. Các nghiên cứu về các làng làm phong phú bức tranh về diện mạo làng xã Việt Nam, góp phần quan trọng trong nhận thức về lịch sử, văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, có thể nói rằng chúng ta vẫn chưa nhận thức hết về làng xã truyền thống của người Việt. Hơn nữa thực tiễn công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, công cuộc xây dựng nông thôn mới hiện nay có mối quan hệ mật thiết đến làng truyền thống. Do vậy, tiếp tục tìm hiểu về làng Việt truyền thống vẫn là việc làm cần thiết, có giá trị khoa học và thực tiễn.

Đối với trường hợp làng Côi Trì giai đoạn từ thành lập đến nửa giữa thế kỷ XIX, qua tiếp xúc tài liệu, chúng tôi nhận thấy:

Thứ nhất, làng Côi Trì đã được giới thiệu, nghiên cứu về một số khía cạnh. Tuy nhiên, đến nay chưa có một công trình nào trình bày có hệ thống, đầy đủ, sâu sắc về làng Côi Trì. Một số nghiên cứu có những nhầm lẫn, thiếu chính xác về một số vấn đề của làng Côi Trì. Đó là nhầm lẫn về nguồn gốc họ Ninh *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ, nhầm lẫn giữa Côi Trì với Thiên Trì trong *Đồng Khánh địa dư chí*,.... Phần lớn các công trình nghiên cứu về Côi Trì hiện nay, các tác giả đã tập trung nhiều nhất về công cuộc khai hoang lập làng, văn hóa, về nhân vật Ninh Tốn, Tạ Uyên.

Thứ hai, tính đến thời điểm hiện nay, luận văn Thạc sỹ của Đinh Văn Viễn có thể coi là công trình có tính tổng hợp hơn cả về Côi Trì. Tuy nhiên, luận văn chỉ trình bày về làng Côi Trì như một thực thể cố định mà chưa thấy xu hướng phát triển về các mặt của làng từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX.

1.3.2. Những vấn đề cần tiếp tục làm rõ

Từ những kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước, luận án sẽ tập trung giải quyết những vấn đề sau:

Hệ thống hóa các nguồn tư liệu, trình bày có hệ thống về quá trình hình thành, một số nét về tình hình, xu hướng phát triển của làng Côi Trì từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX, trong đó làm nổi bật đặc điểm riêng của làng trong so sánh với một số làng khác ở đồng bằng Bắc bộ, hình thành sớm hơn, cùng thời với làng Côi Trì.

Làm rõ xu hướng phát triển về kinh tế, xã hội, văn hóa của làng từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX trong thời kỳ đầy sống động của lịch sử dân tộc.

Từ việc nghiên cứu tương đối toàn diện về làng Côi Trì từ cuối thành lập đến giữa thế kỷ XIX, luận án khắc phục những nhận thức chưa đúng, thiếu chính xác trong một số nghiên cứu về Côi Trì, mang lại những kết quả mới trong việc tìm hiểu về làng Côi Trì từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX.

CHƯƠNG 2: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH LÀNG CÔI ĐÀM

2.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Trong tiểu mục này, luận án khái quát về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên của làng Côi Đàm thời kỳ từ cuối thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX. Trong đó, có một điểm quan trọng là, tuy nằm xa trung tâm nhưng Côi Đàm thuận lợi về sản xuất nông nghiệp, giao lưu, tiếp thu văn hóa của các khu vực khác.

2.2. Chủ trương khai hoang của nhà nước Lê sơ

2.2.1. Khái quát tình hình đất nước thời Lê sơ

Trong tiểu mục này chúng tôi khái quát về đất nước thời Lê sơ về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng, văn hóa. Qua khái quát, có thể thấy, thời Lê sơ chế độ phong kiến Việt Nam phát triển mạnh. Nhà nước có nhiều chính sách phát triển kinh tế, khuyến khích khai hoang, chú trọng Nho giáo, giáo dục. Đây là những điều kiện, bối cảnh chung cho quá trình hình thành làng Côi Đàm.

2.2.2. Chủ trương khai hoang của nhà nước Lê sơ

Nhà Lê sơ có nhiều chính sách cho các hình thức khai hoang, điển hình nhất là đồn điền, thông cáo, chiếm xạ. Trong đó, phép chiếm xạ là Nhà nước quy định cho những người không có ruộng hoặc ít ruộng ở làng xã khác thuộc huyện, phủ khác được phép tự tìm lấy những khu đất hoang hoá để xin cấp trên khai khẩn. Ruộng đất sau khi khai khẩn được, một nửa được xem là ruộng tư vĩnh nghiệp, chịu thuế nhẹ (so với thuế ruộng công), nửa còn lại là ruộng công của làng. Ruộng chiếm xạ khác với các loại ruộng tư thông thường vì nó có thể bị nhà nước công hữu hoá. Loại ruộng đất này tuy thuộc sở hữu của nhà nước nhưng lại được truyền cho con cháu đời sau và phải nộp thuế cho nhà nước, nhẹ hơn tô thuế đối với công điền.

2.3. Khái quát quá trình hình thành làng Côi Đàm

2.3.1. Địa bàn, thời điểm khai hoang

Từ các nguồn tư liệu địa phương, luận án đã xác định địa bàn diễn ra công cuộc khai hoang lập làng Côi Đàm. Đó là vùng sa bồi nằm giữa hai

con sông Thần Phù và sông Càn và một khu vực ruộng đất hoang của xã Yên Mô, huyện Yên Mô, phủ Trường Yên, thừa tuyên Sơn Nam.

Công cuộc khai hoang lập làng Côi Trì được bắt đầu từ tháng 8 năm 1470. Năm 1499, công cuộc khai hoang cơ bản hoàn thành. Năm 1505, thành lập xã Côi Đàm. Từ năm 1573, đổi Côi Đàm thành Côi Trì.

2.3.2. Lực lượng khai hoang, cách thức tổ chức và phương pháp tiến hành

Lực lượng ban đầu khai hoang lập làng gồm 89 người (89 "*quan chiếm xạ*"). Đây là những cư dân có quê gốc cách khá xa với Côi Đàm, đều từ những làng xã được hình thành lâu đời, đến lúc này vấn đề ruộng đất đang đặt ra khá bức xúc.

Về thành phần xuất thân và thế lực kinh tế: Trong số 89 người thì có 3 người thuộc diện giàu có, số còn lại 82 người đều là nông dân nghèo.

Về mối quan hệ của những người đi khai hoang: những người đi khai hoang có quan hệ làng quê và thân tộc.

Về phương pháp tiến hành: Ban đầu những người tổ chức (Nguyễn Điểm, Phạm Nhân Lão,...) và những người khác là Tạ Lỗi, Nguyễn Đàn, Trịnh Đức Khiêm,... đến xem xét địa hình đất đai, khả năng khai hoang, chọn địa điểm cư trú, tiến hành đo đạc, làm đơn xin khai khẩn. Sau đó những người tổ chức về quê chiêu mộ thêm người.

Mỗi nhóm do nhóm trưởng đứng đầu. Ban đầu họ khai phá những khu vực cao, những cồn cát nổi lên trong vùng, sau đó phát triển ra xung quanh. Từ khi có đê Hồng Đức đắp qua làng (1472) việc khai hoang được đẩy mạnh và giành kết quả mau chóng.

Qua nghiên cứu một số điểm khẩn hoang do nhân dân ta tự tổ chức và tiến hành vào những năm cuối thế kỷ XV trên địa bàn phía nam sông Hồng như Cống Thuỷ (1472), Quần Anh (1485) chúng tôi nhận thấy có những điểm giống và khác nhau so với công cuộc khai hoang ở Côi Đàm như sau: Trước hết, cả ba địa điểm khai hoang trên đều nằm trong một loại hình do nhân dân tự tổ chức và được phép của nhà nước, gọi là phép chiếm xạ. Về lực lượng khai hoang ở cả ba địa điểm trên đều giống nhau ở chỗ thành phần xuất thân của lực lượng chủ yếu là nông dân nghèo

không có, hoặc có ít ruộng đất. Nhưng Côi Đàm khác với Quần Anh ở chỗ, lực lượng khai hoang ở Quần Anh là những người cùng đơn vị hành chính cấp phủ. Về phương thức tổ chức cả Côi Đàm và Quần Anh đều giống nhau đó là việc chia lực lượng ra từng nhóm nhỏ và được tổ chức thống nhất dưới sự chỉ huy chung của những người lãnh đạo. Ở hai địa điểm khai hoang này không có hình thức khai hoang riêng biệt như ở Cống Thuỷ.

2.3.3. Sự ra đời làng Côi Đàm

Công cuộc khai hoang được tiến hành đến năm 1474, làng đã được thành lập với tên gọi là Côi Đàm. Năm 1505, làng Côi Đàm trở thành một xã gồm 3 thôn: Côi Đàm, Mỹ Côi, Điền Sở với 8 xóm: Cự Phú, Đông Ninh, Đông Tường, Trung Hậu Bắc, Trung Hậu Nam, Mỹ Thắng, Lý Thượng và xóm Điền Sở. Từ năm 1505, xã Côi Đàm thuộc phủ Trường Yên, thừa tuyên Sơn Nam. Khi nhà Mạc thành lập, Côi Trì thuộc huyện Yên Mô, Thanh Hoa ngoại trấn, do nhà Mạc cai quản. Thế kỷ XVII (sau 1592), Côi Trì thuộc huyện Yên Mô, phủ Trường Yên, Thanh Hoa ngoại trấn, do nhà Lê trung hưng cai quản. Thế kỷ XVIII, Côi Trì thuộc huyện Yên Mô, phủ Trường Yên, Thanh Hoa ngoại trấn thuộc Bắc thành. Từ 1806, Côi Trì thuộc huyện Yên Mô, phủ Trường Yên, đạo Thanh Bình, trấn Thanh Hoa. Năm 1821, đổi Phủ Trường Yên thành phủ Yên Khánh. Năm 1822 đổi tên đạo Thanh Bình làm đạo Ninh Bình. Năm 1829, đổi thành trấn Ninh Bình. Từ năm 1831, Côi Trì thuộc huyện Yên Mô, phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

2.3.4. Việc đổi tên thành Côi Trì

Luận án chỉ ra những nhầm lẫn trong một số sách khi trình bày về thời điểm đổi tên từ Côi Đàm thành Côi Trì: *Lịch sử Đảng bộ xã Yên Mỹ*: "Địa danh Côi Trì được gọi từ năm 1473" [2, tr. 6], *Đồng Khánh địa dư chí*: "*Từ năm Tự Đức 14(1861) kiêng huý các từ tôn quý, đổi là Côi Trì*" [123-1024]. Từ các nguồn tư liệu địa phương, đánh tin cậy, nhất là *Côi Trì bi ký, Yên Mô sơn xuyên nhân vật bi chí, ...* luận án đã xác định thời điểm đổi tên làng là năm 1573, do kị húy của vua Lê Duy Đàm.

Tiểu kết chương 2:

Làng Côi Đàm được hình thành cuối thế kỷ XV, năm 1573 đã đổi tên thành Côi Trì. Địa bàn của làng hiện nay thuộc xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, nhất là ruộng đất còn hoang hóa chính là điều kiện thuận lợi cho công cuộc khai hoang lập làng diễn ra và thành công.

Làng Côi Đàm được hình thành sau công cuộc khai hoang theo phương thức chiếm xạ thời Lê sơ. Quá trình khai hoang, lập làng ở Côi Đàm vừa có nét giống vừa có nét khác với những điểm khai hoang khác ở thế kỷ XV: Thời gian khai hoang khá dài. Lực lượng khẩn hoang chủ yếu là nông dân nghèo không có hoặc có ít ruộng đất, ở các địa phương khác đến. Lực lượng này được tổ chức khá chặt chẽ, thống nhất. Sau khai hoang, làng xóm được bố trí theo quan hệ huyết tộc và quan hệ đồng hương. Mặt khác do Côi Đàm được bao bọc bởi các con đê, sông, được hình thành sau các làng xung quanh nên sau khi thành lập nó ít có điều kiện để vươn ra mở rộng đất đai. Chính những nét khác biệt này nhất là yếu tố khai hoang đã góp phần quy định đặc điểm riêng của Côi Trì so với các làng Việt cổ truyền khác đồng thời ảnh hưởng lớn đến kinh tế, văn hóa, xã hội của Côi Trì trong các nhiều thế kỷ sau đó.

CHƯƠNG 3: KINH TẾ LÀNG CÔI TRÌ

3.1. Nông nghiệp

Luận án trình bày tình hình ruộng đất ở Côi Trì, trong đó nổi bật lên các vấn đề:

Ruộng đất công làng xã

Giai đoạn cuối thế kỷ XV, khi lập làng, trước khi khai báo lên nhà nước, Côi Đàm có 116 đạc* (928 mẫu), đều là ruộng tư. Trong thời gian này, Côi Đàm không có ruộng đất công. Năm 1476, làng Côi Đàm báo cáo nhà nước, "chỉ báo cáo lên 720 mẫu (90 đạc), ẩn lậu 208 mẫu (26 đạc). Vì thế số ruộng đất công của Côi Đàm lúc này là 360 mẫu (45 đạc)". Giai đoạn thế kỷ XVI – giữa thế kỷ XIX, căn cứ vào một số tư liệu thì ruộng công ở Côi Trì vẫn duy trì với tỷ lệ khá cao. Năm 1722, theo *Côi Trì thông lệ*, Côi Trì lấy 150 mẫu 6 sào ruộng công cấp cho 25 xuất binh. Đến thế kỷ XIX, theo *Côi Trì xã địa bạ* (1832) thì ruộng đất công ở Côi Trì chiếm 53.95%. Toàn bộ ruộng công ở Côi Trì được bố trí ở *"ngũ xứ công điền",* gồm các xứ đồng: Đồng Lược, Mỹ Nội, Mỹ Ngoại, Đồng Ngoài, Đồng Đầm, là những ruộng trũng, xấu. Ruộng hạng 3 chiếm tới 71,69 % trong khi ruộng hạng 2 là 24,72 % , ruộng hạng 1 chỉ là 3,59 % diện tích công điền.

Sở hữu tư nhân về ruộng đất

Vì vậy từ 1470-1476, số ruộng tư ở Côi Trì là 116 đạc (928 mẫu) chiếm 100% số ruộng đất của làng. Năm 1476, khi báo cáo lên cấp trên, làng đã ẩn lậu ruộng đất. "Trong số 928 mẫu khai khẩn được họ chỉ báo lên 720 mẫu (90 đạc), ẩn lậu 208 mẫu (26 đạc). Số ruộng tư trên thực tế ở Côi Trì giai đoạn này là 568 mẫu, chiếm 61,20%". Các thế kỷ XVI-XVIII, qua các tư liệu về tình hình mua bán, cúng ruộng vào chùa, các hội cho thấy sở hữu tư nhân về ruộng đất ở Côi Trì tiếp tục phát triển. Đến thế kỷ XIX, số ruộng đất tư ở Côi Trì là 459.05.12.05.08.04, chiếm 43, 31%; Hạng 3 chiếm 51,30 %, hạng 2 chiếm 38,1 %, hạng 1 chiếm 10,59 %. Ruộng tư đều là các chân ruộng cao, việc canh tác thuận lợi.

---

* : Đạc: Đơn vị đo diện tích ruộng đất của địa phương. Theo đó thì 01 đạc = 08 mẫu Bắc bộ.

Ở Côi Trì hầu như chỉ có chủ sở hữu nhỏ. Các chủ sở hữu dưới 1 mẫu chiếm 79,91 %. Người có sở hữu cao nhất là dưới 10 mẫu. Tại Côi Trì có 83 chủ sở hữu là nữ, chiếm 21,01 % số chủ ruộng, chiếm 10,56% diện tích ruộng tư hữu. Số ruộng xâm canh tại Côi Trì rất ít (9 sào). Những họ có đông người (như họ Nguyễn, Ninh) thường có thế lực kinh tế hơn. Các chức dịch ở Côi Trì đều thuộc tầng lớp sở hữu vừa. Nhưng xét trong nội bộ làng thì họ là những người nhiều ruộng tư nhất và đều chiếm ruộng tốt (hạng 1, 2). Những người có học, có bằng cấp, có chức tước ở Côi Trì chiếm một lượng ruộng khá lớn, chiếm 9,06% số ruộng tư.

Ruộng sở hữu tập thể nhỏ

Đây là loại ruộng đất không thuộc quyền sở hữu của nhà nước hay tư nhân mà nó thuộc quyền sở hữu của các tập thể nhỏ, các tổ chức xã hội khác như ruộng họ, ruộng chùa, ruộng làng lão, ruộng học,....

3.2. Sản xuất nông nghiệp

Luận án trình bày về sản xuất nông nghiệp ở Côi Trì trên các mặt: cơ cấu mùa vụ, kỹ thuật canh tác lúa nước, công tác thủy lợi, các loại cây trồng, khai thác thủy sản, chăn nuôi. Trong đó nổi bật lên là nông nghiệp ở Côi Trì với hai vụ: vụ chiêm và vụ mùa. Vụ mùa có diện tích và năng xuất cao hơn. Công tác thủy lợi được chú trọng với đê Hồng Đức, đường Đàm, … Rau cần là loại rau trồng có diện tích lớn ở Côi Trì.

3.2. Thủ công nghiệp

Luận án trình bày về một số nghề thủ công ở Côi Trì như mộc, sơn. Luận án lý giải nguyên nhân khiến sản xuất thủ công nghiệp ở Côi Trì đến tận thế kỷ XIX vẫn chỉ tồn tại như “nghề phụ”.

3.3. Hoạt động buôn bán

Trên cơ sở phát hiện mới về tư liệu (bản giao ước nhượng đất, thành lập chợ Bút), luận án trình bày về hoạt động buôn bán ở Côi Trì giai đoạn cuối thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX. Chợ Bút được thành lập (1756). Ở Côi Trì có hai loại: buôn bán nhỏ và buôn chuyến. Tuy nhiên, đến thế kỷ XIX, hoạt động buôn bán ở Côi Trì vẫn chỉ là một nghề phụ.

Tiểu kết chương 3

Như vậy, từ cuối thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX, Côi Trì định hình nền kinh tế với cơ cấu nông – công – thương. Sau hơn 4 thế kỷ, từ cuối thế kỷ XV đến thế kỷ XIX, do bị kẹt bởi các làng cũ, các con đê, sông nên số ruộng đất khai hoang của Côi Trì tăng lên không nhiều.

Diễn biến tình hình ruộng đất ở Côi Trì về cơ bản vẫn theo xu thế chung của sự phát triển sở hữu ruộng đất của đồng bằng Bắc bộ, tuy nhiên Côi Trì có nét riêng trong xu hướng phát triển của sở hữu ruộng đất. Đó là sự bảo tồn của ruộng đất công với tỷ lệ khá lớn. Ruộng đất công ở Côi Trì xuất hiện sau công cuộc khai hoang (38,79%) và đến thế kỷ XIX nó vẫn chiếm 53.95% trong tổng số ruộng đất của làng. Chủ sở hữu ở Côi Trì chủ yếu là những người sở hữu nhỏ. Tuyệt đối không có địa chủ chiếm hữu trên 10 mẫu ruộng. Tầng lớp trên ở Côi Trì (chức sắc, địa chủ, trí thức...) chiếm hữu lượng ruộng đất đáng kể. Phụ nữ cũng là một lực lượng sở hữu ruộng đất quan trọng chiếm 21,01% số chủ ruộng. Chênh lệch về sở hữu ruộng đất giữa các dòng họ khá lớn, trong đó dòng họ của những người "lãnh đạo, tổ chức" trong công cuộc khai hoang lập làng thường nắm giữ nhiều ruộng đất hơn. Các loại hình sở hữu ruộng đất của tập thể nhỏ ở Côi Trì ra đời, tồn tại gắn với các tổ chức xã hội tự nguyện của cư dân nơi đây.

Kinh tế nông nghiệp ở Côi Trì chủ yếu là trồng trọt (trồng lúa nước, rau cần), chăn nuôi kém phát triển hơn. Công tác thuỷ lợi rất được chú trọng. Nông nghiệp phát triển. Nghề thủ công, hoạt động buôn bán, chợ làng ở đây dù phát triển nhưng chỉ giới hạn trong khuôn khổ nghề phụ. Cơ cấu kinh tế trên đây cơ bản được duy trì trong suốt các thế kỷ XV-XIX và ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình xã hội và văn hoá của Côi Trì.

Chương 4: XÃ HỘI, VĂN HÓA LÀNG CÔI TRÌ

4.1 Xã hội

4.1.1 Tổ chức quản lý làng xã

Trong tiểu mục này, chúng tôi trình bày về tổ chức bộ máy quản lí làng xã người Việt ở Bắc bộ trong lịch sử. Từ đó, đối sánh với trường hợp Côi Trì. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Côi Trì giai đoạn từ cuối thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX có bộ máy quản lí tương đồng các làng xã khác. Song là một làng được lập nên bởi khai hoang nên ở đây có điểm đáng chú ý là những người thuộc các dòng họ có vai trò lớn trong khai hoang thường nắm giữ vai trò quản lý làng xã.

4.1.2. Kết cấu dân cư

4.1.2.1. Kết cấu: Ở tiểu mục này, tác giả đã phân tích kết cấu giai tầng với "tứ dân" bao gồm 4 thành phần: sĩ, nông, công, thương. Song sự phân chia thế như trên chỉ mang tính chất tương đối, vì trong thực tế ở Côi Trì: người nông dân cũng đồng thời là thợ thủ công, người thợ thủ công cũng tham gia quá trình buôn bán,...

4.1.2.2. Sự phân biệt ngôi thứ: Cũng như các làng Việt khác, ở Côi Trì giữa các tầng lớp xã hội có sự phân dựa vào vị trí chính trị, thứ bậc xã hội và tuổi tác. Sự phân biệt ngôi thứ phức tạp, chặt chẽ là vậy nhưng thực ra cũng có "điểm mở", "không chặt chẽ". Tầng lớp dưới vẫn có thể gia nhập vào tầng lớp trên bằng học hành , đỗ đạt hoặc bằng mua nhiêu. Sự phân biệt ngôi thứ này theo mô hình dựa trên ý thức hệ Nho giáo càng củng cố thêm thế kiểm soát của làng xã với con người.

4.1.3. Các hình thức tổ chức và tập hợp dân cư

4.1.3.1. Thôn, xóm: Từ những khái quát về thôn, xóm chung, Luận án trình bày những về Thôn, Xóm ở Côi Trì. Thôn ở Côi Trì không phải là một đơn vị hành chính, mà là cấp trung gian giữa xã với xóm. Giai đoạn cuối thế kỷ XV, đầu thế kỷ XVI, Côi Trì gồm 2 thôn với 8 xóm. Đến thế kỷ XIX, Côi Trì có 2 thôn, với 24 xóm.

Thôn, xóm do trưởng thôn, trưởng xóm đứng đầu, có chức năng về tín ngưỡng, an ninh, chống trộm cắp, coi sóc mùa màng,... Cư dân cư trú trong các thôn, xóm ở Côi Trì có đặc điểm riêng, đó là nơi cư trú của

những người cùng họ hoặc những người vốn cùng quê gốc trước khi đến Côi Trì.

4.1.3.2. Giáp: Kết quả nghiên cứu cho thấy, giáp ở Côi Trì là tổ chức xã hội, được tổ chức theo huyết thống. Đến thế kỷ XIX, ở Côi Trì có 36 giáp. Đứng đầu giáp là giáp trưởng đồng thời là trưởng họ (hoặc trưởng chi họ). Trường hợp giáp có hai họ khác nhau thì hai họ chọn ra một người cao tuổi, có học hơn, có địa vị cao hơn từ hai trưởng họ đó làm giáp trưởng. So với một số làng khác rõ ràng dù với số lượng nhiều, độ tuổi vào rất sớm nhưng Giáp ở Côi Trì có địa vị không lớn lắm.

4.1.3.3. Dòng họ: Cuối thế kỷ XV, khi lập làng, thống kê từ 89 "*quan chiếm xạ*" thì Côi Trì có 29 tộc danh. Thế kỷ XVII, theo Côi Trì Đinh bạ (1669) thì Côi Trì chỉ còn 13 tộc danh. Thế kỷ XVIII (theo Đinh bạ năm 1722) thì Côi Trì chỉ có 10 tộc danh. Đến thế kỷ XIX, thống kê từ địa bạ thời Minh Mạng cho thấy Côi Trì có 10 tộc danh. Các dòng họ của những người có nhiều công lao trong khai hoang lập làng bao giờ cũng được tôn trọng hơn, được ưu ái khi bầu bán các vị trí trong làng xã.

4.1.3.4. Hội:

Hội tư văn: Đến năm 1723 thì Côi Trì đã có Văn hội. Đứng đầu Văn hội là Trùm trưởng. Ngoài ra còn có các chức như Nho trưởng, Giám trương... Hội tư văn ở Côi Trì có địa vị khá lớn trong đời sống làng xã.

Hội tư võ: Vũ hội ở Côi Trì đã xuất hiện trước năm1753, khá phát triển, có địa vị nhất định trong đời sống làng xã. Nhưng so với Văn hội thì Vũ hội không có vai trò bằng Văn hội.

4.2. Văn hóa

4.2.1 Đình, Đền và tín ngưỡng thờ thần:

Đình được xây dựng năm 1769 (đình Tây, thành hoàng là thần Câu Mang). Năm 1848, một bộ phận cư dân Côi Trì xây đình Đông (thành hoàng là thánh Tản Viên. Côi Trì còn xây dựng đền, miếu (đền Bút thị, miếu Hoàng bà Vườn) ở vị trí giáp ranh với các làng bên cạnh. Nét khác biệt trong tín ngưỡng thờ thần, thành hoàng ở Côi Trì là việc cư dân đã phối thờ "Bát vị tiên sinh, bát vị hậu thần" – những người có công lao trong công cuộc khai hoang lập làng, phát triển làng xã.

4.2.2. Chùa và sinh hoạt Phật giáo:

Từ những tư liệu như văn bia, minh chuông, luận án đã phục dựng lại quá trình xây dựng chùa (chùa Ninh Thái, đến thời Lê Trang Tông (1533-1548) thì đổi tên là An Thái tự, việc đúc chuông, mở rộng chùa,..), những sinh hoạt Phật giáo của cư dân Côi Trì qua Hội Phật giáo, đóng góp tiền xây dựng, cúng cho nhà chùa,… Tuy nhiên, Phật giáo ở Côi Trì không thực sự phát triển.

4.2.3. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên:

Cũng như các nơi khác, người Côi Trì thờ cúng tổ tiên. Những qui định trong thờ cúng tổ tiên đã phản ánh nếp sống, một phong tục của các thế hệ cư dân Côi Trì.

4.2.4. Một số phong tục, tập quán khác:

Trên cơ sở các tư liệu địa phương, cho thấy các phong tục, tập quán hôn nhân, tang ma, tôn trọng người già ở Côi Trì mang nhiều nét giống như các làng xã khác ở đồng bằng Bắc Bộ đồng thời cũng có nét riêng biệt đó là mang đậm dấu ấn của làng nông nghiệp, sự ảnh hưởng của Nho giáo, vai trò của người già, nhất là trong những tục lệ bảo vệ quyền lợi cho người phụ nữ.

4.2.4 Văn học:

Từ các tư liệu khác nhau nhất là văn bia, chúng tôi đã trình bày về thành tựu văn học của Côi Trì cả về văn học viết, văn học dân gian, với những tác giả nổi bật như Ninh Ngạn, Ninh Tốn,… đã phản phản ánh một làng quê với nền giáo dục phát triển. Nó là sản phẩm và cũng là minh chứng cho một cuộc sống tinh thần phong phú, nền dân trí của làng Côi Trì.

4.2.5 Giáo dục, khoa cử:

Qua các tư liệu, luận án đã trình bày về thành tựu khoa cử (có bảng thống kê) của Côi Trì. Từ đó có thể thấy, Côi Trì là một làng đạt nhiều thành tựu về khoa cử, với những cá nhân xuất sắc như Ninh Ngạn, Ninh Tốn, Ninh Địch, Nguyễn Tuyên, Nguyễn Ái, Nguyễn Đình Chuyên,… Trong phạm vi huyện Yên Mô thì Côi Trì là một trong bốn làng có nhiều người đỗ đạt. Trên phạm vi cả nước, Côi Trì cũng là một trong số ít làng xã mà một nhà có 3 đời nối tiếp nhau đỗ tiến sĩ.

Tiểu kết chương 4

Côi Trì tồn tại song song hai bộ máy quản lý làng xã đó là bộ máy hành chính nhà nước và bộ máy tự trị của làng xã. Cạnh đó người dân Côi Trì còn chịu sự chi phối của nhiều tổ chức tự trị khác dựa trên các mối quan hệ huyết thống (dòng họ), giới tính (giáp), học vấn (Văn hội).... Côi Trì có cơ cấu xã hội đa dạng. Dân cư được phân chia thành các tầng lớp Sĩ, Nông, Công, Thương, được phân chia thành hai bộ phận quan viên và không quan viên. Tầng lớp Sĩ ở Côi Trì có số lượng đông đảo, có địa vị cao. Đời sống văn hóa ở Côi Trì giai đoạn cuối thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX diễn ra sôi động. Cư dân Côi Trì đã sáng tạo ra những giá trị văn hoá phong phú. Các lĩnh vực văn hóa từ tín ngưỡng, phong tục tập quán,… đều có nét đặc trưng, mang dấu ấn của công cuộc khai hoang, lập làng, của một làng Nho học, khoa cử.

Côi Trì từ sớm chú trọng đến giáo dục, khoa cử. Trong phạm vi Ninh Bình, Côi Trì là một làng khoa bảng khá điển hình. Bên cạnh đó, những trước tác văn học viết còn lưu lại, những tác phẩm văn học dân gian, cho thấy đời sống văn hóa phong phú, đáng tự hào của vùng đất Côi Trì.

KẾT LUẬN

Qua tìm hiểu về Côi Trì từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX, có thể rút ra một vài nhận xét như sau:

1. Cuối thế kỷ XV, vùng đất Côi Đàm là vùng đất gần biển được phù sa bồi đắp. Đây là điều kiện quan trọng để cư dân đến khai hoang lập làng ở Côi Trì và đó cũng là điều kiện nơi đây phát triển kinh tế, tiếp nhận, sàng lọc văn hoá từ các nơi khác tới.

Làng Côi Trì nằm ở vùng chiêm trũng và chính Côi Trì cũng là một cái "ao", "đầm", được bao bọc bởi các con sông. Về cơ bản khí hậu, thổ nhưỡng, địa hình sông ngòi ở đây thuận lợi cho nông nghiệp. Tuy nhiên thiên nhiên cũng đặt ra những yêu cầu lớn nhất là trong công tác thuỷ lợi. Mặt khác do làng được bao bọc bởi các con đê, sông, được hình thành sau các làng xung quanh nên sau khi thành lập Côi Trì ít có điều kiện để vươn ra mở rộng đất đai (như Cống Thuỷ sau khi lập làng vẫn mở rộng lãnh thổ tiến ra biển). Những điều kiện địa lý, tự nhiên, môi trường,... đã ảnh hưởng lớn tới kinh tế, xã hội, văn hoá của Côi Trì.

2. Côi Trì là làng được cư dân người Việt khai hoang vào cuối thế kỷ XV, theo phép chiếm xạ thời Lê sơ.

Quá trình khai hoang, lập làng ở Côi Trì vừa có nét giống vừa có nét khác với một số điểm khai hoang khác cùng thời gian, cùng khu vực châu thổ Bắc bộ. Thành phần của lực lượng khẩn hoang khá đa dạng, ở các phủ, huyện khác nhau bao gồm địa chủ, binh lính, thầy đồ... Nhưng chiếm số lượng lớn, đóng vai trò chủ yếu vẫn là những người nông dân không có ruộng đất. Công cuộc khẩn hoang lập làng Côi Trì diễn ra trong khoảng 29 năm cuối thế kỷ XV, được tổ chức khá chặt chẽ bởi những người tổ chức, các nhóm trưởng lãnh đạo các nhóm. Tinh thần đoàn kết là một trong những nguyên nhân quyết định thắng lợi của việc khai hoang và có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xây dựng xóm làng sau đó. Sau khai hoang một nửa ruộng đất khai khẩn được biến thành ruộng tư điền vĩnh nghiệp, một nửa thuộc quyền sở hữu của nhà nước. Chính những điểm khác biệt này đã góp phần quy định đặc điểm của làng Côi Trì so với các làng Việt cổ truyền khác.

3. Giai đoạn thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX, Côi Trì là một làng có mô hình, cơ cấu tổ chức kinh tế - xã hội của một làng Việt truyền thống cả về nội dung và hình thức. Kinh tế của Côi Trì có sự chuyển đổi theo chiều hướng từ một làng nông thành một làng có sự kết hợp giữa Nông – Công – Thương trong đó nông nghiệp là ngành kinh tế chính. Ba thành phần kinh tế này đan xen vào nhau. Sản xuất tiểu nông cho ra đời nghề thủ công, thương nghiệp. Thủ công nghiệp, thương nghiệp lại góp phần củng cố sản xuất tiểu nông. Côi Trì là biểu hiện rõ nhất của phương thức tự sản, tự tiêu. Nguyên nhân khiến Côi Trì trở thành một làng nông nghiệp, có sự kết hợp với thủ công, thương nghiệp xuất phát từ nhiều yếu tố: Do tính qui định, ảnh hưởng của cả nền kinh tế cả nước, nhất là khu vực đồng bằng Bắc Bộ trong giai đoạn thế kỷ XV-XIX; do ảnh hưởng của chế độ chính trị của nhà nước,… Nhưng nguyên nhân ảnh hưởng đến kết cấu kinh tế là chế độ sở hữu ruộng đất mà sự tồn tại vững bền của ruộng công là vấn đề quan trọng.

Về cơ bản, Côi Trì vẫn phát triển giống như các làng xã khác ở Bắc bộ. Tuy nhiên do được hình thành sau công cuộc khai hoang theo phép chiếm xạ, với những điều kiện cụ thể nên Côi Trì có nét riêng trong xu hướng phát triển về kinh tế nhất là về sở hữu ruộng đất. Đó là sự bảo tồn của ruộng đất công với tỷ lệ khá lớn.

Ruộng đất công ở Côi Trì xuất hiện sau công cuộc khai hoang (38,79%). Đến giữa thế kỷ XIX ruộng đất công vẫn chiếm 53.95%. Số ruộng công này đảm bảo cho nền kinh tế tiểu nông có một số tư liệu để duy trì và đem lại cho người nông dân ở đây có ruộng để cày cấy và sinh sống tuy mức bình quân có giảm nhưng nó vẫn là nguồn sống chính và đồng thời nó cũng trói buộc người nông dân ở đây vào làng xã. Ruộng công tồn tại và được củng cố làm cho chế độ tư hữu ruộng đất ở Côi Trì kém phát triển hơn do đó chưa đủ sức tạo ra một sự phân hoá sâu sắc trong làng xã, chưa đủ sức để giải phóng một lực lượng nhất định ra khỏi tư liệu sản xuất và tập trung nhanh tư liệu sản xuất vào tay một số ít người (giữa thế kỷ XIX số chủ sở hữu từ 5-7 mẫu chỉ có 10/224 người. Không có chủ ruộng nào sở hữu trên 10 mẫu). Nông dân vẫn sống bằng ruộng đất được chia và trong quá trình sử dụng họ luôn luôn tìm cách luân canh để tăng thu nhập. Trong làng ruộng đất là tư liệu sản xuất chính, nghề nông chiếm

địa vị chủ đạo thu hút phần lớn nhân lực vào sản xuất nông nghiệp. Lực lượng trí thức sau khi có địa vị xã hội cũng quay về mua ruộng, kinh doanh ruộng đất.

Khác với một số làng buôn, làng thủ công chế độ tư hữu ruộng đất ở Côi Trì kém phát triển, ruộng công được củng cố. Đây chính là cơ sở quy định dạng kết cấu kinh tế của làng là một làng nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo còn thủ công, thương nghiệp chỉ giữ vai trò là nghề phụ. Các cư dân ở Côi Trì phần lớn là những nông dân thuần tuý. Nguồn gốc của họ là những nông dân thiếu ruộng đất, họ khát khao có ruộng để cày cấy nên khi khai khẩn được ruộng thì họ chăm lo cày cấy.

Côi Trì lại là làng được thành lập vào thời kỳ nhà nước phong kiến Lê sơ phát triển, Nho giáo ở Việt Nam đã chiếm địa vị chủ đạo trong đời sống chính trị đất nước và ngày càng ảnh hưởng sâu sắc đến các làng xã. Ở Côi Trì, Nho giáo có vị trí quan trọng, ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội. Tư tưởng "dĩ nông vi bản" đã ăn sâu vào tư tưởng của phần lớn cư dân nơi đây. Vì thế đây cũng chính là một lực cản khiến Côi Trì chậm chuyển sang các nghề khác mà chỉ gắn bó với nông nghiệp.

Ninh Bình là vùng đất mở, tốc độ bồi tụ rất lớn. Hàng năm lãnh thổ Ninh Bình tiến ra biển hàng trăm mét (khi huyện Kim Sơn được thành lập khá nhiều cư dân Yên Mô trong đó có Côi Trì tràn xuống). Đây chính là nơi thu hút lực lượng nông dân, giải quyết tình trạng dân số tăng, thiếu ruộng đất của các làng xã cũ. Sức ép về tình trạng thiếu ruộng đất của nông dân Côi Trì giảm đi cũng là nhờ những vùng đất mới mở như Kim Sơn (Ninh Bình). Những cơ sở trên đây đã trực tiếp tác động đến kết cấu kinh tế và khiến đến tận thế kỷ XIX nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chủ đạo ở Côi Trì.

Là một làng nông nghiệp, được hình thành từ vùng sa bồi vì vậy công tác thuỷ lợi là vấn đề quan trọng, gắn liền với công cuộc khai hoang lập làng và suốt quá trình sau đó. Cư dân Côi Trì đã xây dựng nên những công trình thuỷ lợi nhằm cải tạo đất, cung cấp nước ngọt cho cuộc sống và sản xuất. Ngoài đê Hồng Đức, cư dân Côi Trì còn xây dựng nên những công trình thuỷ lợi mà tiêu biểu là hệ thống "Ba rộc Đồng Ngoài".

Tuy nhiên ở Côi Trì vẫn tồn tại nghề thủ công mà tiêu biểu là nghề mộc, nghề sơn. Các nghề thủ công ở đây dù phát triển nhưng vẫn chỉ là "nghề phụ".

Thương nghiệp Côi Trì ra đời ban đầu nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi sản phẩm trong làng và sau đó nó có bước khởi sắc. Chợ làng (chợ Bút) mang quy mô chợ vùng được thành lập. Nhưng những người Côi Trì tham gia buôn bán cũng chỉ coi nó là nghề phụ. Thương nghiệp cũng như thủ công nghiệp Côi Trì tuy có vai trò đáng kể song chưa thể bứt phá và cũng ít có điều kiện bứt phá lên thành một ngành kinh tế chủ đạo, vẫn không thay thế được vị trí chủ chốt của nông nghiệp.

Cơ cấu kinh tế như vậy có ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình xã hội và văn hoá của Côi Trì trong thời kỳ từ cuối thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX và cả thời kỳ sau đó.

4. Tình hình xã hội của Côi Trì giai đoạn từ cuối thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX về cơ bản giống với các làng xã khác ở vùng châu thổ Bắc bộ nhưng vẫn có nét riêng của một làng được hình thành vào thời Lê sơ – thời kỳ chế độ phong kiến nước ta phát triển, Nho giáo là hệ tư tưởng chính thống của nhà nước, giáo dục Nho học thịnh đạt.

Bộ máy quản lý hành chính và bộ máy tự trị ở làng chia sẻ nhau quyền lực nhưng nhiều khi bộ máy tự trị thực sự nắm quyền quản lý làng xã. Cạnh đó người Côi Trì còn bị chi phối của nhiều tổ chức tự trị khác dựa trên các mối quan hệ láng giềng (thôn, xóm), huyết thống (dòng họ), giới tính (giáp),....Mỗi tổ chức này đảm nhận những chức năng riêng của nó, góp phần tạo ra mối liên hệ, ràng buộc vững chắc giữa những thành viên trong cộng đồng làng và nó còn là cái cầu nối giữa nhà nước và làng xã, nhà nước thông qua đó để với tay gián tiếp quản lý các thành viên trong làng.

Cư dân Côi Trì giai đoạn từ cuối thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX bao gồm các tầng lớp Sĩ, Nông, Công, Thương, được phân chia thành hai bộ phận quan viên và không quan viên. Nét nổi bật ở Côi Trì là tầng lớp Sĩ có số lượng đông đảo (chỉ sau nông dân) và có địa vị cao. Tầng lớp Công, Thương có số lượng ít và thường có quan hệ mật thiết với nông dân. Giữa các tầng lớp trong xã hội Côi Trì có sự phân biệt, khác nhau về địa vị.

Quan hệ xã hội giữa các bộ phận dân cư rất phức tạp. Sự phân biệt ngôi thứ, đẳng cấp vừa mang tính "đóng kín" lại vừa mang tính "mở". Địa vị xã hội giữa các tầng lớp dân cư rất khác nhau và được quy định khá chặt chẽ. Tuy nhiên vẫn giữa các tầng lớp này vẫn thường diễn ra sự chuyển đổi. Từ Nông vẫn có thể trở trở thành Công, Thương, thậm chí trở thành Sĩ. Quan hệ xã hội này vừa bị chi phối bởi truyền thống vừa bị chi phối bởi nền kinh tế của làng. Dù quy định về sự phân biệt ngôi thứ khắt khe nhưng tính cộng đồng vẫn là nét nổi bật. Đời sống xã hội ở Côi Trì sau hơn 4 thế kỷ vẫn mang dấu ấn của làng được hình thành sau công cuộc khai hoang theo phép chiếm xạ.

5. Từ cuối thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX, Côi Trì đã sáng tạo ra những giá trị văn hoá phong phú. Đó là những giá trị văn hoá vật chất, văn hóa tinh thần như kiến trúc đình, chùa, tín ngưỡng, … Mỗi thành tố này của đời sống văn hoá Côi Trì đều có sắc thái riêng, thể hiện và phản ánh một làng Côi Trì truyền thống mà Nho giáo giữ địa vị thống trị trong đời sống tư tưởng, nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Nổi bật trong các thành tựu văn hoá đó là những người Côi Trì học hành đỗ đạt. Côi Trì đã trở thành một làng nổi bật về khoa cử Nho học ở Ninh Bình.

Những nét nổi bật trong sự hình thành, đặc điểm kinh tế, văn hóa của Côi Trì trong thời kỳ từ hình thành đến giữa thế kỷ XIX trên đây có tác động lớn đến sự phát triển của Côi Trì ở các giai đoạn sau đó và còn ảnh hưởng cả công cuộc xây dựng nông thôn mới ở Côi Trì ngày nay.